

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Đào

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 12, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hoa Đào công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2/2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	6.209.056.000	1.430.455.750	23%	110%
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6.209.056.000	1.430.455.750	23%	110%
	Học phí	1.345.000.000	177.920.000	13%	0%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.474.000.000	411.840.000	28%	116%
	Tiền tiếng anh bán ngữ	274.176.000	69.525.750	25%	102%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	432.000.000	107.800.000	25%	75%
	Tiền Nhịp điệu	76.800.000	23.200.000	30%	88%
	Tiền Vẽ	76.800.000	19.600.000	26%	89%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	1.228.800.000	291.840.000	24%	80%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	110.400.000	0	0%	0%
	Tiền hoạt động ngoại khóa	614.400.000	145.920.000	24%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	240.080.000	103.590.000	43%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	336.600.000	79.220.000	24%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6.111.774.880	1.582.123.070	26%	148%
I	Chi sự nghiệp giáo dục	6.111.774.880	1.582.123.070	26%	148%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.111.774.880	1.582.123.070	26%	148%
	Học phí	1.345.000.000	169.638.300	13%	0%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.444.520.000	526.808.976	36%	121%
	Tiền tiếng anh bán ngữ	268.692.480	79.564.289	30%	80%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	423.360.000	134.493.147	32%	251%
	Tiền Nhịp điệu	75.264.000	24.413.818	32%	96%
	Tiền Vẽ	75.264.000	28.950.361	38%	105%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	1.204.224.000	154.119.179	13%	93%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	108.192.000		0%	0%
	Tiền hoạt động ngoại khóa	602.112.000	331.393.000	55%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	235.278.400	132.742.000	56%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	329.868.000		0%	0%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	46.945.600	30.910.631	66%	126%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	46.945.600	30.910.631	66%	126%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	29.480.000	11.566.900	39%	113%
	Tiền tiếng anh bản ngữ	5.483.520	1.549.431	28%	109%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	8.640.000	2.599.300	30%	89%
	Tiền Nhịp điệu	1.536.000	501.400	33%	93%
	Tiền Vẽ	1.536.000	436.800	28%	95%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	24.576.000	7.715.200	31%	87%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	2.208.000	50.600	2%	44%
	Tiền hoạt động ngoại khóa	12.288.000	3.857.600	31%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	4.801.600	2.633.400	55%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	6.732.000	0	0%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.957.196.057	2.333.948.375	26%	118%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.957.196.057	2.333.948.375	26%	118%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.957.196.057	2.333.948.375	26%	118%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.733.196.057	1.119.496.830	24%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.224.000.000	1.214.451.545	29%	61%
II	Nguồn vốn viện trợ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Kế toán



Nguyễn Thị Dung



Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Đào
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 12, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hoa Đào công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	6.209.056.000	3.225.867.300	52%	115%
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6.209.056.000	3.225.867.300	52%	115%
	Học phí	1.345.000.000	427.800.000	32%	0%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.474.000.000	990.185.000	67%	114%
	Tiền tiếng anh bán ngữ	274.176.000	146.997.300	54%	106%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	432.000.000	237.765.000	55%	82%
	Tiền Nhịp điệu	76.800.000	48.270.000	63%	91%
	Tiền Vẽ	76.800.000	41.440.000	54%	92%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	1.228.800.000	677.600.000	55%	84%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	110.400.000	2.530.000	2%	37%
	Tiền hoạt động ngoại khoá	614.400.000	338.800.000	55%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	240.080.000	235.260.000	98%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	336.600.000	79.220.000	24%	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.781.906.880	2.539.896.001	44%	133%
1	Chi sự nghiệp giáo dục	5.781.906.880	2.539.896.001	44%	133%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.781.906.880	2.539.896.001	44%	133%
	Học phí	1.345.000.000	258.530.580	19%	0%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.444.520.000	995.003.674	69%	172%
	Tiền tiếng anh bán ngữ	268.692.480	140.362.339	52%	34%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	423.360.000	220.099.717	52%	287%
	Tiền Nhịp điệu	75.264.000	40.029.986	53%	86%
	Tiền Vẽ	75.264.000	39.203.201	52%	86%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	1.204.224.000	302.136.304	25%	177%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	108.192.000	0	0%	0%
	Tiền hoạt động ngoại khoá	602.112.000	331.393.000	55%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	235.278.400	213.137.200	91%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	329.868.000	0	0%	0%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	97.281.120	30.910.631	32%	126%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	97.281.120	30.910.631	32%	126%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	29.480.000	11.566.900	39%	113%
	Tiền tiếng anh bán ngữ	5.483.520	1.549.431	28%	109%
	Tiền 10 môn thể dục thể thao	8.640.000	2.599.300	30%	89%
	Tiền Nhịp điệu	1.536.000	501.400	33%	93%
	Tiền Vẽ	1.536.000	436.800	28%	95%
	Tiền Cơ sở vật chất trường tiên tiến	24.576.000	7.715.200	31%	87%
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	2.208.000	50.600	2%	44%
	Tiền hoạt động ngoại khóa	12.288.000	3.857.600	31%	0%
	Tiền Phục vụ ăn sáng	4.801.600	2.633.400	55%	0%
	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	6.732.000	0	0%	0%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.957.196.057	3.786.753.019	42%	115%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.957.196.057	3.786.753.019	42%	115%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.957.196.057	3.786.753.019	42%	115%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.733.196.057	2.213.674.184	47%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.224.000.000	1.573.078.835	37%	48%
II	Nguồn vốn viện trợ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Kế toán



Nguyễn Thị Dung

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy